

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 01/2023/DS-ST

Ngày: 09-01-2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng*

vay tài sản”

NHÂN DANH

**NUỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM - TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Ngọc Diệu

Ông Phạm Thành Đồng

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 270/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 306/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1951;

Địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Ông Bùi Thanh P, sinh năm 1965;

Địa chỉ: ấp T1, xã T2, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị B, sinh năm 1963;

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Tại phiên tòa bà G, bà B có mặt; ông P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị G trình bày:

Bà biết ông P và bà B chung sống với nhau như vợ chồng như không có đăng ký kết hôn. Vào ngày 08/3/2019, ông P kêu bà B đến nhà bà vay số tiền 70.000.000 đồng để về đưa cho ông P trả nợ ngân hàng. Sau đó, ông P có đến vay thêm 6.500.000 đồng. Vì quen biết và tin tưởng nên hai khoản vay trên đều không làm giấy tờ gì. Sau đó ông P đã trả 6.500.000 đồng, bà B đã trả 30.000.000 đồng. Đến đầu 2021, bà biết bà B và ông P có mâu thuẫn nên không sống chung nữa. Bà có gặp ông P và bà B để hỏi rõ ai chịu trách nhiệm phần nợ còn lại là 40.000.000 đồng thì ông P nhận trả. Tuy nhiên đến nay ông

P chưa trả. Vào ngày 05/4/2021, ấp T1, xã T2 có tổ chức hòa giải, thì ông P hẹn trong thời gian 03 tháng tức là đến ngày 05/8/2021 sẽ đưa tiền cho trưởng ấp để trưởng ấp giao lại cho bà B, bà B trả cho bà. Ông P gặp bà cũng hứa như vậy. Tuy nhiên, đến nay ông P chưa trả số nợ này cho bà. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu ông P trả cho bà số tiền vay còn nợ là 40.000.000 đồng. Bà không yêu cầu tính lãi.

Theo bản tự khai và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị B trình bày:

Vào năm 2007, bà và ông P có tổ chức đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng nhưng ông bà không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống ông P tự quyết định mọi việc và thường đánh bà. Ngày 08/3/2019, ông P kêu bà đến nhà bà G để vay số tiền 70.000.000 đồng về đưa cho ông P để trả nợ ngân hàng. Do quen biết nên bà G cho vay không làm giấy tờ gì và cũng không tính lãi. Bà nhận số tiền 70.000.000 đồng từ bà G, về bà đã đưa số tiền này cho ông P. Sau đó, bà đã dành dụm và tự trả được cho bà G 30.000.000 đồng. Đến đầu năm 2021, ông P thường xuyên bạo hành bà nên bà đã dọn về nhà mẹ ruột ở. Sau đó ông P đã tự ý bán nhà không bàn bạc với bà, tiền bán nhà ông P giữ. Số tiền 40.000.000 đồng còn nợ bà G, bà yêu cầu ông P có trách nhiệm trả cho bà G vì bà đã trả 30.000.000 đồng cho bà G rồi. Vào ngày 05/4/2021, bà nộp đơn yêu cầu ấp Tân Hòa tiến hành hòa giải. Tại buổi hòa giải, ông P đồng ý chịu trách nhiệm trả số tiền 40.000.000 đồng cho bà G nhưng đến nay chưa trả. Giữa các bên đã thống nhất trách nhiệm trả số tiền 40.000.000 đồng cho bà G là của ông P, nên bà không còn trách nhiệm đối với số nợ này.

Bị đơn ông Bùi Thanh P đã được tổng đạt hợp lệ nhưng ông đều vắng mặt không lý do trong các buổi hòa giải, công khai chứng cứ và phiên tòa. Ông P cũng không gửi ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án và cũng không có yêu cầu phản tố, không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nên trong hồ sơ không có lời trình bày của ông P

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị G khởi kiện yêu cầu ông Bùi Thanh P có trách nhiệm trả số vay còn nợ là 40.000.000 đồng nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn ông Bùi Thanh P cư trú tại ấp Tân Hòa, xã Tân Thanh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn ông P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại Tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P.

[2] Về nội dung vụ án: Bà G khởi kiện yêu cầu ông P trả số tiền vay còn nợ là 40.000.000 đồng. Tại Tòa, bà G và bà B đều xác nhận vào ngày 08/3/2019, do ông P yêu cầu nên bà B có đến nhà bà G để vay số tiền 70.000.000 đồng về đưa cho ông P trả nợ ngân hàng do ông P vay. Bà B và ông P sống chung như vợ chồng từ năm 2007 nhưng không có đăng ký kết hôn nên không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Đến năm 2021, ông P và bà B xảy ra mâu thuẫn trầm trọng nên không chung sống với nhau nữa. Hội đồng xét xử xét thấy, tuy số tiền 70.000.000 đồng do bà B trực tiếp đi vay của của bà G, mục đích để trả nợ ngân hàng do ông P vay. Bà B đã tự dành dụm tiền trả cho bà G 30.000.000 đồng và tại biên bản giải quyết mâu thuẫn hộ gia đình ngày 05/4/2021 của ấp Tân Hòa, xã Tân Thanh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giữa bà B và ông P đã thống nhất số tiền 40.000.000 còn nợ do ông P có trách nhiệm cho bà G. Sự thỏa thuận này của ông P và bà B cũng được bà G đồng ý. Ông P thỏa thuận đến ngày 05/8/2021 sẽ trả số nợ trên nhưng đến nay chưa thực hiện. Do đó, việc bà G yêu cầu ông P có nghĩa vụ trả cho bà số tiền còn nợ là 40.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà G được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Bùi Thanh P trách nhiệm nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là 40.000.000 đồng x 5% = 2.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 429, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G. Buộc ông Bùi Thanh P trách nhiệm trả cho Nguyễn Thị G số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Bùi Thanh P có trách nhiệm nộp số tiền án phí là 2.000.000 (hai triệu) đồng.

[3] Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa

được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử P thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan